

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 5 - 2026

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc Anh

Bà Lê Thị Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ánh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 164/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1985; CCCD: 038185012242; địa chỉ: Tổ dân phố V, phường T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1979; CCCD: 045079005639; địa chỉ: Thôn H, xã N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2025 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/3/2026, chị Lê Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 05/4/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi vã lẫn nhau. Ngoài ra, anh T có mối quan hệ ngoài vợ chồng với người phụ nữ khác, không lo lắng, quan tâm đến gia đình. Hiện nay, chị và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị D xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Minh T1, sinh

ngày 22/8/2012 và Lê Văn Minh Đ, sinh ngày 27/01/2017. Hiện nay, cả 02 cháu đang ở với chị D nên chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không nộp cho Tòa án bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con nuôi chung: Giao cháu Lê Thị Minh T1, sinh ngày 22/8/2012 và cháu Lê Văn Minh Đ, sinh ngày 27/01/2017 cho chị Lê Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị D yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T, đồng thời có nguyện vọng được nuôi con; anh Lê Văn T có nơi cư trú tại: Thôn H, xã N, tỉnh Quảng Trị. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 05/4/2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị D và anh Lê Văn T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa chị Lê Thị D và anh Lê Văn T không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm và hiện nay đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2025, Hội liên hiệp phụ nữ xã N, tỉnh Quảng Trị cung cấp: Trong quá trình chung sống, giữa chị Lê Thị D và anh Lê Văn T không hòa hợp, hay cãi vã lẫn nhau và đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh T không có mong muốn đoàn tụ vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị Lê Thị D và anh Lê Văn T trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị D là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Minh T1, sinh ngày 22/8/2012 và Lê Văn Minh Đ, sinh ngày 27/01/2017. Chị Lê Thị D có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, thực tế cháu Lê Thị Minh T1 và cháu Lê Văn Minh Đ hiện đang ở với chị D và cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với chị D. Chị D có chỗ ở, công việc và có thu nhập ổn định để đảm bảo việc nuôi con. Do đó, cần giao cháu Lê Thị Minh T1 và cháu Lê Văn Minh Đ cho chị Lê Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thị Minh T1, sinh ngày 22/8/2012 và cháu Lê Văn Minh Đ, sinh ngày 27/01/2017 cho chị Lê Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002468 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Lê Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị D và anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thanh K

